

MỘT SỐ BIỂU TƯỢNG THƠ TRONG *NAM KIM - THỊ ĐAN*

NÔNG THỊ NHUNG
(Lào Cai)

1. Trong kho tàng văn học dân gian Tày, *Nam Kim - Thị Đan*¹ là một trong những áng thơ Nôm có nhiều giá trị đặc sắc. Truyện kể về mối tình tuyệt vọng của đôi nam nữ yêu nhau tha thiết mặn nồng, cùng nhau mơ ước đi đến một tình yêu lí tưởng, tự do. Trong giới hạn bài viết này, chúng tôi xin được đề cập đến một số biểu tượng ngôn từ của tác phẩm nói trên.

Biểu tượng được hiểu là những hình ảnh tượng trưng, tức là những hình ảnh về các sự vật cụ thể, được dùng để gọi ra sự liên tưởng đến một cái trừu tượng khác. Các biểu tượng như vậy từ lâu đã có sức sống trong đời sống văn nghệ dân gian Tày. Chúng là những từ ngữ hình ảnh được các nghệ nhân dân gian Tày sử dụng trong truyện thơ, góp phần tạo nên một phong cách ngôn ngữ mang dấu ấn riêng biệt trong truyện thơ Nôm Tày.

2. Sự thể hiện các biểu tượng trong *Nam Kim - Thị Đan*

2.1 *Bioóc, mềng*

Bioóc trong tiếng Tày có nghĩa là “hoa”. Theo quan niệm của người Tày, **bioóc**(hoa) tượng trưng cho cái đẹp tươi tắn và thường được ví với người con gái đẹp. Sở dĩ có điều này là vì người Tày cho rằng “hoa” là tặng vật đẹp đẽ nhất mà trời đất ban tặng cho cây cối. “Hoa” cứ đến đất ban tặng cho cây cối. “Hoa” cứ đến mùa là nở. Khi có gió xuân, “hoa” lại rực rỡ với đủ mọi màu sắc và tỏa ra mùi thơm quyến rũ. Với màu sắc đó, hương thơm đó, “hoa” mang một ý nghĩa biểu trưng dụ

dàng: đó là hình ảnh của người con gái đẹp. Người Tày cho rằng người con gái đẹp chính là bông hoa đẹp đẽ nhất, tinh túy nhất trong vô số các loài hoa của tạo vật. Trong truyện thơ *Nam Kim - Thị Đan*, **bioóc** (hoa) là hình ảnh tượng trưng cho nàng Thị Đan, người con gái Tày có một tình yêu mãnh liệt, khát khao được sống trọn vẹn bên người mình yêu.

Như một sự khéo bày đặt của tự nhiên, khi những bông hoa khoe sắc và khoe trên mình một sức sống tươi trẻ, căng nhựa, đầy rạo rục, cũng là lúc ong, bướm bay đến nhiều nhất. Có lẽ dựa trên thực tế ấy, người Tày quan niệm **mềng** là hình ảnh những chàng trai si tình luôn vây quanh những bông hoa đẹp. Trong tiếng Tày, **mềng** được hiểu là “con ong”, loài vật nhỏ có cánh mỏng và ngòi đốt, luôn sống thành bầy đàn và thường bay đi khắp nơi để tìm hoa hút mật.

Với đặc tính của loài ong như vậy, đồng bào Tày gán cho **mềng** ý nghĩa biểu trưng là hình ảnh của những chàng trai hay mê mẩn, ngây dại vì tình yêu đắm đuối. Đặc biệt hơn, người Tày quan niệm rằng mối quan hệ giữa **bioóc** (hoa) và **mềng** (ong) giống như tình yêu của đôi trai gái. Khi yêu, họ không muốn xa rời nhau, cũng như loài ong cần hoa vậy. Chẳng hạn trong *Nam Kim - Thị Đan*, để nói lên niềm hạnh phúc khi gặp gỡ của đôi tình nhân Nam Kim và Thị Đan, các tác giả dân gian viết:

Bặng như **mềng** đẫy hăn **bioóc** ón
Đẫy hăn vĩ thân noọng thuồn vuồn
(Như ong mật gặp khi hoa nở
Gặp mật anh em đã hết buồn)
Hay:

¹Triều Ân, *Ba áng thơ Nôm Tày và thể loại*. Nxb Văn học, Trung tâm nghiên cứu quốc học, 2004.

Vĩ mà thânng đuối nõng mảng dõm
 Tông bảng nặm rỏp lỏm vờng khước
 Bảng như *mềng* tom *bioóc* phõng hom
 (Anh về đây gặp đợc em yêu
 Như mặt nước gió reo sóng vổ
 Như ong về hoa nở thõm hương)...

Khi phải xa lìa nhau, Nam Kim và Thị Đan càng yêu nhau thắm thiết và vẫn nhiều lần hẹn hò gặp gỡ. Thời điểm hò hẹn của họ trong truyện là thời gian tươi đẹp nhất của năm, là mùa xuân : mùa của tình yêu và tuổi trẻ:

Vận bưõn chiềng oóc pây *mềng* rọng
 Hả thiên hạ vĩ nõng lại gầ
 Dừa cắ pây hỉn xuân hỉn *bioóc*
 (Vào tháng giềng bưõc ra ong gọi
 Thấy thiên hạ phơi phơi bao người
 Dạo chơi xuân những nơi hoa nở)

Qua nhiều lần lén lút gặp nhau, Thị Đan về ở hẳn nhà chồng. Nam Kim âu sầu ở lại. Hai người càng thương càng nhớ nhau da diết. Lúc này tình yêu của họ đợc ví von:

Tông bảng *mềng* lìa hoa vuõn sấu
 Tả se nõng vọng piếu gừn vằn
 (Buõn như thế ong lìa hoa
 Bỏ em trông ngóng đềm ngày)
 Và:

Mềng viắ *bioóc* mùa xuân khúc nẩy
 (Ong lìa hoa mùa xuân lúc này)

Hay: Bảng nầu *bioóc* ngám héo tả co
 (Như đoá hoa đã héo rời cành)

Khi ấy, hoa héo khô trong khung cảnh tàn úa:

Mủng mạy mác *bioóc* hoa ruồi héo
 (Trõng vuõn hoa hoa đều tàn tạ)...

Có thể nhận xét rằng: trong truyện thơ, các trạng thái tâm lí tình cảm chủ yếu biểu đạt qua *bioóc* (hoa). Khi gặp gỡ, hạnh phúc như “*hoa mới nở*”, “*hoa nở thõm hương*”. Khi tan vỡ, buồn như “*hoa đã héo rời cành*”, “*hoa tàn tạ*”. Điều này có thể xuất phát từ tính chất mau nở và nhanh tàn của hoa, và từ tâm hồn đa cảm, dễ bị tổn thương của người con gái Tày trong bi kịch tình yêu của họ. Đồng thời, hình ảnh “*hoa héo*”, “*hoa tàn*” cho ta thấy

sự tan vỡ đột ngột, sự ngăn ngửi đầy xót xa. Và đằng sau những từ ngữ ấy là tiếng nấc thẳng thốt, cảm giác lo âu, buồn phiền của chàng trai và cô gái trong mối tình tuyệt vọng của họ.

Có thể nói việc sử dụng các biểu tượng như *bioóc* (hoa) và *mềng* (ong) với tần số cao mang lại cho ngôn từ nghệ thuật trong truyện thơ Nôm Tày chất mộc mạc, giản dị song cũng vô cùng sinh động. Qua đó, chúng ta thấy đợc quan niệm thắm mĩ của người Tày về tình yêu và khát vọng luôn hướng về tình yêu thuỷ chung, trọn vẹn của người Tày.

2.2. Háng

Nói đến vùng cao, không thể không nhắc đến các phiên chợ truyền thống. Từ xưa tới nay, chợ phiên luôn gắn bó mật thiết với cuộc sống sinh hoạt của đồng bào các dân tộc thiểu số phía Bắc nói chung và đồng bào Tày nói riêng. Trong tiếng Tày, *háng* có nghĩa là “*chợ*”, “*chợ phiên*”. Người Tày quan niệm rằng “*chợ phiên*” là nơi để mọi người đến trao đổi mua bán và gặp gỡ giao lưu vào một ngày nhất định do đồng bào tự quy định với nhau. Ngoài những phiên chợ họp bình thường, đồng bào còn có các phiên chợ “*tinh*”. Người Tày có hội chợ “*Phúng Lừ*”. Chợ họp vào một ngày nào đó vào đầu mùa xuân. Vào những ngày này, từ sáng tinh mơ, trên khắp các nẻo đường, từng đoàn người đã lũ lượt ra chợ. Họ tụm năm, tụm ba để chờ đón người mình cần gặp. Người ta đi chợ để tìm kiếm, hẹn hò và giải bày tâm sự. Khi gặp nhau, các chàng trai cô gái không vỗ vậ, mà trong lòng cháy bỏng tình yêu. Vì vậy, hình ảnh *háng* (chợ phiên) không chỉ là phiên chợ mà là cái để bộc lộ nỗi niềm, sự ước hẹn, hi vọng và chờ đợi. Chính vì vậy, hình tượng này đi vào ngôn ngữ của đồng bào Tày từ ngàn đời nay, để rồi từ đó đi vào ngôn từ nghệ thuật truyện thơ Nôm Tày, nhằm biểu đạt những ý nguyện yêu đương.

Trong *Nam Kim – Thị Đan*, đôi tình nhân hẹn gặp nhau ở chợ phiên:

Gò ngẫu dầy thương căn chú quả
 Hẹn thâng vắn nhĩ hả bươn sam
 Pây **háng** hỉn sắc pan gỏi tẻo
 (Lòng ước được gặp nhau cho thoả
 Hẹn hăm nhăm, anh nhớ tháng ba
 Đến chợ chơi một phiên cho thoả)
 Sau bao ngày mong đợi, ngày hẹn đã
 đến, đôi tình nhân sống trọn vẹn trong
 tình yêu. Nhưng khi nghĩ đến giây phút
 chia xa, Thị Đan lo lắng:

Thị Đan toọng phát khôm mọi khúc
 - Soong rà thâng vắn viũc viũc căn
 Vĩ pây **háng** chắc vắn tẩu tẻo
 Tàng quây kéc keng kéo khâu phya
 (Thị Đan dạ đắng cay mọi khúc
 Ngày mai thôi ta đã chia xa
 Anh đi chợ đâu là ngày lại
 Đường xa cách đèo núi non xa)...

Như vậy theo quan niệm của đồng bào
 Tày, **háng** không những là nơi trao đổi,
 giao lưu, buôn bán mà còn là “*điểm hẹn
 tình yêu*” của các trai làng, gái bản, là nơi
 gặp gỡ và trao cho nhau tình thương nỗi
 nhớ sau bao ngày xa cách của các đôi tình
 nhân.

2.3. Thú

Trong tiếng Tày, **thú** có nghĩa là “*đôi
 đũa*”. Đó là đồ vật làm bằng tre, nứa hoặc
 gỗ, dùng để và cơm và gắp thức ăn, có
 hình que tròn và được vót nhẵn, được ghép
 thành từng đôi. “*Đôi đũa*” thuộc về thể
 giới các vật thể nhân tạo. Nhưng với các
 dân tộc phương Đông nói chung và dân tộc
 Tày nói riêng, “*đôi đũa*” là vật thể gần gũi
 và có vai trò rất quan trọng trong những
 bữa ăn hàng ngày. Có thể nói, đây là nét
 đặc trưng về ẩm thực của người phương
 Đông.

Trong truyện thơ *Nam Kim - Thị Đan*,
 hình ảnh **thú** (đôi đũa) xuất hiện trong
 hoàn cảnh Nam Kim quá nhớ thương Thị
 Đan, đến nỗi không ăn được cơm người
 yêu gói tặng:

Khay khẩu lèng Thị Đan thố hấu
 Chứ noọng nằng tậu **thú** bấu Kim
 (Giở cơm nắm Thị Đan gói tặng
 Quá nhớ nằng chống đũa không ăn)

Đó là khi Nam Kim tự xót xa cho thân
 phận nghèo hèn của mình, yêu Thị Đan
 mà không lấy được nàng. Chàng ngậm
 ngùi đứng nhìn người yêu theo chồng về
 bản khác.

Bấu vắn tu vắn rườn đuổi vậu
 Viâu ngài từ **thú** tậu lồng dương
 Hả đuổi bạn táng mừng địn h mả
 (Không nên của nên nhà bằng họ
 Đến bữa thời chống đũa xuống mâm
 Khóc bạn về nhà chồng xa tấp)

Khi ấy, Thị Đan nhờ chị gái gửi lời đến
 Nam Kim. Trong lời nói có nhắc đến hình
 ảnh “*đôi đũa*”:

Gầm phuổi mùa táng nả gỏi ngài
Thú tác bấu vắn tôi khỏn phuổi
 (Gửi lời về anh hãy ngắm xem
 Đũa gãy không nên đôi khó nói)

Theo phong tục của người Tày, khi
 người ta chán ăn thì chống đũa xuống
 mâm. Trong tác phẩm, có thể thấy tác giả
 dân gian đã sử dụng hình ảnh “*đôi đũa*”
 để nói lên tâm trạng của nhân vật trữ
 tình, đồng thời thể hiện sự liên tưởng của
 người Tày từ hình ảnh “*đũa có đôi*” đến
 kết quả tốt đẹp của tình yêu đôi lứa. Trong
 truyện thơ này, mối tình sâu đậm của
 Nam Kim và Thị Đan rơi vào tuyệt vọng,
 vì thế **thú tác bấu vắn tôi** (đũa gãy
 không nên đôi). Như vậy **thú** (đôi đũa)
 không chỉ là đồ vật bình thường mà còn
 lấp lánh những ý nghĩa biểu tượng và
 thắm đượm ý nghĩa nhân văn sâu xa.

2.4. Đét, moóc

Đét trong tiếng Tày có nghĩa là “*nắng*”.
 Theo quan niệm của người Tày, **đét** (nắng)
 được hiểu là ánh sáng từ mặt trời chiếu
 xuống mang đến sự ấm áp và khô ráo cho
 trái đất. Trong *Nam Kim - Thị Đan*, các
 trạng thái tâm lí - tình cảm được **đét**
 (nắng) thể hiện rất rõ ràng. Khi Nam Kim
 nhận được tin Thị Đan bị ép gả cho người
 giàu có, mặc dù rất buồn nhưng ngày đêm
 chàng vẫn nhớ thương Thị Đan da diết.
 Chàng vào rừng sâu để quên đi nỗi chán
 chường, nhưng tiếng ve sầu kêu ra rả,
 chàng càng buồn thêm. Nhìn “*bốn phương*”

nắng chói chang”, trong lòng chàng bừng lên niềm tin và hi vọng: “*lại biết đâu chung ở một nhà*”.

Sí coóc **đét** chỏi thâng rùng toả

(Bốn phương nắng chói chang ta ngóng)

Và chàng lại lặn lội đến thăm nhà người yêu. Khi không gặp được người chàng mong ngóng đêm ngày, chàng quay trở về trong sự thất vọng ê chề. Nhưng niềm tin trong chàng trai vẫn luôn cháy bỏng. Vì chàng biết rằng:

Thu đông vận thâng xuân **đét** ón

(Hết thu đông sang xuân nắng mới)

Cuối cùng sau bao ngày nhớ nhung và chờ đợi, Nam Kim đã gặp được Thị Đan. Nhưng tia hi vọng vừa loé sáng, chàng và nàng đã phải chia xa, vì “*bóng râm*” đã bao trùm lên tất cả:

Đang vừa **đét** khẩu khảm dậm nả

(Đang cơn nắng bóng râm mát mẻ)

Kể từ đó họ không bao giờ được gặp nhau nữa. Thị Đan đi lấy chồng. Vì nàng quá nhớ thương Nam Kim nên âu sầu, ốm tương tư mà chết:

Đét ón khẩu giờ thân thai tả

(Nắng vàng vào giờ thân thì mất)

Tia nắng yếu ớt lúc chiều tà đã làm vụt tắt tia hi vọng cuối cùng của đôi nam nữ yêu nhau. Có thể nói **đét** (nắng) không chỉ là cái thuộc về thế giới các hiện tượng tự nhiên, mà còn mang nhiều ý nghĩa biểu tượng. “*Nắng*” là niềm tin, là hi vọng trong tâm thức của người Tày. Sự thay đổi của “*màu nắng*” làm cho họ có thể vui mừng, hạnh phúc nhưng cũng đủ để họ phải giạt mình, lo sợ, như sợ mất đi một điều gì đó quá mong manh.

Bên cạnh biểu tượng **đét** (nắng), **moóc** cũng trở thành một biểu tượng đáng được quan tâm trong tác phẩm tác phẩm này. Trong tiếng Tày, **moóc** nghĩa là “*sương*”, là một lớp hơi nước ngưng tụ lại thành những hạt màu trắng rất nhỏ, bay lơ lửng gần mặt đất. “*Sương*” khi dày làm thành màn màu trắng đục, làm cản trở tầm nhìn của con người.

Xét về góc độ thế giới hiện thực, thì **moóc** (sương) cũng như **đét** (nắng) thuộc về các hiện tượng tự nhiên. Trong *Nam Kim - Thị Đan*, **moóc** (sương) xuất hiện với nét nghĩa tượng trưng rất tinh tế và sâu sắc. Điều này được thể hiện qua dụng ý tả cảnh ngụ tình của các tác giả dân gian.

Sau khi Thị Đan về nhà chồng, Nam Kim vẫn luôn nhớ đến người yêu. Chàng đến nhà Thị Đan. Nhưng người xưa nay đã không còn nữa mà cảnh cũ vẫn còn đây:

Mủng khâu phya **moóc** toả khâu phya
(Trông núi rừng sương toả núi rừng)

Khi hai người gặp nhau, họ than thân trách phận mình hẩm hiu, yêu nhau mà không lấy được nhau:

Soong rà ước au cần khổn đẫy
Vỉ sáng noọng tỉ nẩy thuồn gằm

Điếp cần lẽ ngòi bầu ngòi vạ

Ngòi sí phương **moóc** toả sí phương

Noọng tẻ mùa ruồn chương đuổi mả

(Hai ta ước lấy nhau khôn thấy

Anh dặn em chốn ấy hết lời

Yêu nhau thì trông trời cao cả

Trông bốn phương sương toả bốn phương

Em hãy về gia san đàng ấy)

Và khi Thị Đan đi khuất, Nam Kim đau đớn khôn xiết, bởi vì:

Từ nẩy là goọng nả Thị Đan

Mủng sí coóc lâm sau **moóc** toả

(Từ đây thôi khuất mặt Thị Đan

Trông bốn phương lâm san sương toả)

Nếu như ở phần trước, chúng ta đã thấy **bioóc** (hoa) tượng trưng cho hình ảnh người con gái đẹp, thì đến phần này của truyện, có thể thấy các tác giả dân gian sử dụng trong cùng một trường đoạn của tác phẩm cả ba biểu tượng **bioóc** (hoa), **đét** (nắng) và **moóc** (sương). Điều này có lẽ không phải là ngẫu nhiên. Bởi lẽ trong thực tế, vòng đời của “*hoa*” phụ thuộc vào hơi thở của đất trời. “*Hoa*” không thể sinh sôi, nảy nở nếu không được tiếp nhận những tác động của mưa, nắng và hơi

sương. Trong truyện thơ, “*hoa*” đã “*tàn*”, “*héo*” vì “*đét ón*” (nắng vàng). Thị Đan mất, “*hoa*” cũng không thể nở và toả hương thơm. Khi ấy *moóc* (sương) có phủ đầy núi, thì cũng không thể thổi cho “*hoa*” luồng sinh khí mới để “*hoa*” nảy nở trên đá, trên cát và dẹt nên sắc đẹp toàn mỹ và tình yêu thanh khiết. *Moóc* (sương) quá dày đặc đã làm thành một màn bao phủ, cản trở tình yêu của Nam Kim và Thị Đan. Hay nói cách khác, *moóc* (sương) tượng trưng cho những giáo lí hà khắc của chế độ phong kiến xưa đã ngăn cản tình cảm chân thành của đôi trai gái.

2.5. *Khau*

Trong tiếng Tày, *khau* (còn có cách gọi khác là *keng, kéo*) có nghĩa là “*con đèo*”. Theo đồng bào Tày, “*con đèo*” được hiểu là chỗ cần vượt qua khi đi qua núi cao. Có thể nói đây là các hình ảnh rất quen thuộc và gần gũi với cảnh quan ở vùng cư trú của đồng bào Tày. Vượt qua đèo, người ta đến nơi làm việc, hoặc đến làng bản khác, hoặc đến phiên chợ, để giao lưu trò chuyện với nhau.

Trong truyện thơ *Nam Kim - Thị Đan*, *khau, keng, kéo* (con đèo) có tần số xuất hiện khá cao. Điều này có lẽ cũng thật tự nhiên trong hoàn cảnh truyện, vì Nam Kim và Thị Đan ở khác làng, khác bản. Mỗi lần nhớ đến người yêu, Nam Kim không ngại khó khăn, gian khổ, lặn lội vượt đèo cao một mình đến thăm người yêu. *Khau* trở thành hình ảnh tượng trưng cho những khó khăn trở ngại để thử thách tình yêu đôi lứa và cần phải vượt qua:

Chứ noọng vượt *keng kéo* mùa giương
(Nhớ em vượt đèo núi về thăm)

Với sức mạnh của tình yêu, Nam Kim đã vượt qua tất cả, dầu nhiều nguy hiểm đang rình rập trước mắt:

Nam Kim *khỉn khau* pây lòi lọi
(Nam Kim leo đèo cao thui thui)

Và:

Vượt *keng kéo* lợt quá tông nà

(Vượt đèo cao đã lợt ruộng đồng)

Mặc dù chàng biết:

Tàng quây *kéo keng kéo khau* phya
(Đường xa cách đèo núi non xa)

Để rồi sự khó khăn, gian khổ ấy đã được đền đáp xứng đáng: chàng trai đã nhận được tình yêu chung thủy của Thị Đan. Nàng yêu Nam Kim và sẵn sàng cùng người yêu đi hết con đường mà hai người đã lựa chọn, một con đường có rất nhiều chông gai, trở ngại:

Nam Kim gạ gằm sáng xiết xa

- Se ví táng pây kha mùa xoá

Nam Kim gạ noọng á thêm rầu

Thác khẩu lèng khỉn *khau* pây đuối

Vả gằm pác vả phuối đuối cần

(Nam Kim gửi lời nhắn thiết tha

- Để anh đi đường xa một bóng

Lời Nam Kim khiến bụng nàng sầu

Đeo cơm gói theo nhau đèo núi

Chân cứ bước miệng nói buồn vui)

Nhưng tình yêu của họ không thể đơm hoa kết trái. Và khi đó, “*đèo*” lại là biểu tượng của sự ngăn cách không thể vượt qua được:

Dạn giò kha oóc tu oóc soá

Rườn phua giú táng xạ kéo quay

Giảng gioảng khỉn *khau* pây thàng *kéo*

(Ngại ngừng bước xuống sàn xuất giá

Nhà chồng nơi khác xa đường xa

Thất thiếu bước lên đèo ngàn thăm)...

Sức mạnh tình yêu của Nam Kim và Thị Đan không thể chiến thắng lễ giáo hà khắc của xã hội xưa. Thị Đan buộc phải xuống cầu thang theo chồng về bản khác. Và con đường về nhà chồng mở ra trước mắt nàng là “*con đèo ngàn thăm*”, con đường không có điểm kết thúc, không có điểm dừng chân cho mỗi tình tuyệt vọng của nàng với Nam Kim.

3. Trong *Nam Kim - Thị Đan*, ngôn từ nghệ thuật là một yếu tố quan trọng làm nên sự sinh động và hấp dẫn cho tác phẩm, khiến nó có được ấn tượng sâu sắc và đi vào lòng người đọc từ thế hệ này đến thế hệ khác. Đặc biệt, các biểu tượng với những nét nghĩa phong phú, nhiều tầng bậc, ẩn kín bên trong đã góp phần thêm dẹt nên

câu chuyện tình yêu da diết buồn bã và không có hậu này.

Không chỉ có vậy, với các biểu tượng **bioóc, mềng, háng, khâu, đét** và **moóc** chúng ta còn thấy được một không gian văn hoá của người Tày và đời sống tinh thần tình cảm phong phú của họ. Ấn khuất sau từ ngữ của những câu thơ mộc mạc chân tình trong *Nam Kim - Thị Đan*, người đọc càng hiểu và cảm thông với những khát khao cháy bỏng về tình yêu đôi lứa, sự chung thuỷ trọn vẹn chân thành của người Tày qua bao thế hệ trước đây và cả ngày nay.

Tài liệu tham khảo

1. Triều Ân, *Ba áng thơ nôm Tày và thể loại*. Nxb Văn học, Trung tâm nghiên cứu quốc học, 2004.
2. Trần Trí Dõi, *Nghiên cứu ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam*. Nxb Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2000.
3. Nguyễn Xuân Kính, *Thi pháp ca dao*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2007.
4. Triệu Thị Linh, *Ngôn từ nghệ thuật trong Xinh ca Cao Lan*. Luận văn tốt nghiệp khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên, 2008.
5. Hoàng Văn Ma - Lục Văn Pảo, *Từ điển Việt -Tày-Nùng*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1984.
6. Hoàng Quyết - Triều Ân - Hoàng Đức Toàn, *Từ điển văn hoá cổ truyền dân tộc Tày*. Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội, 1996.
7. Vũ Anh Tuấn, *Truyện thơ Tây nguyên gốc, quá trình phát triển và thi pháp thể loại*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2003.
8. Nguyễn Thị Huyền Trang, *Khả năng liên tưởng nghĩa của từ "hoa" trong Truyện Kiều*. Tạp chí Ngôn ngữ số 11/2007.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 25-10-2008)

TIN TỨC HOẠT ĐỘNG

GẶP MẶT ĐẦU XUÂN

CỘNG TÁC VIÊN TẠP CHÍ NGÔN NGỮ & ĐỜI SỐNG

Ngày 20/1/2009 tại Viện Nghiên cứu và phát triển ngôn ngữ văn hoá, trực thuộc Hội Ngôn ngữ học VN, Ban Biên tập Tạp chí *Ngôn ngữ & Đời sống* đã tổ chức cuộc gặp mặt Cộng tác viên Xuân Kỷ Sửu 2009. Tới dự có GS.TS Lê Quang

Thiêm, Chủ tịch Hội NNHVN, Tổng Biên tập; TS Dương Kỳ Đức, Phó tổng biên tập; PGS.TS Phan Văn Quế, Phó tổng biên tập cùng đồng đảo các giáo sư ngành ngôn ngữ học, các biên tập viên và hơn 30 cộng tác viên. Cuộc gặp mặt đã diễn ra trong không khí thân mật và sôi nổi. Các giáo sư cũng như các cộng tác viên đã có những ý kiến đóng góp tích cực để xây dựng và phát triển Tạp chí NN & ĐS ngày càng nâng cao chất lượng, thu hút đông đảo độc giả trong và ngoài nước.

Nhân dịp năm mới Xuân Kỷ Sửu, Ban Biên tập tạp chí NN & ĐS xin kính chúc các cộng tác viên và độc giả gần xa một năm mới tràn đầy hạnh phúc, an khang, thịnh vượng.

HỘI THẢO “VAI TRÒ CỦA GIÁO DỤC NGÔN NGỮ TRONG VIỆC ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC TOÀN CẦU Ở CHÂU Á”

Viện Nghiên cứu và phát triển ngôn ngữ văn hoá, trực thuộc Hội Ngôn ngữ học VN mới thành lập được 6 tháng nhưng đã có những hoạt động tích cực. Viện đã phối hợp với Trường Cán bộ quản lý giáo dục, thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo HN tổ chức 3 chuyên đề dành cho giáo viên phổ thông trung học: “*Từ điển tiếng Anh trong việc dạy và học ngoại ngữ*”; “*Phân tích văn bản thơ trong sách giáo khoa lớp 11 từ góc độ ngôn ngữ học*”; “*Phân tích văn bản thơ trong sách giáo khoa lớp 12 từ góc độ ngôn ngữ học*”. Hiện tại, Viện cũng đã là một trong các cơ sở của Viện Đại học Mở HN đào tạo hệ đại học từ xa với các chuyên ngành Quản trị Kinh doanh, Kế toán, Luật Kinh tế, thu hút hàng trăm học viên tham dự. Vào tháng 4/2009, Viện sẽ phối hợp với Trường Đại học Monash (Australia) tổ chức buổi hội thảo “*Vai trò của giáo dục ngôn ngữ trong việc đào tạo nguồn nhân lực toàn cầu ở châu Á*”.

HỒNG THANH